

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025;

Căn cứ Quyết định số 91/2025/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thanh Hóa;

Xét Công văn số 76/CV-CPMT ngày 03/7/2026 của Công ty cổ phần Công nghiệp Xuân Phú về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án Xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Tân Thọ, xã Trung Chính và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1074/TTr-SNNMT ngày 08/7/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần Công nghiệp Xuân Phú, địa chỉ tại tầng 3, số nhà 279 đường Nguyễn Phúc, phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa (nay là phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hóa) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Tân Thọ, xã Trung Chính với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: Xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Tân Thọ, xã Trung Chính.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tại xã Trung Chính, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần do Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa cấp, đăng ký lần đầu ngày 04/4/2024, đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 13/3/2025.

1.4. Mã số thuế: 2803110349.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh: Xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

Ngành nghề hoạt động chủ yếu (theo Quyết định số 3568/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc thành lập Cụm công nghiệp Tân Thọ, xã Trung Chính, tỉnh Thanh Hóa), gồm: Sản xuất, chế biến thực phẩm (C-10); sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa (C-1702); sản xuất trang phục và phụ kiện ngành may (trừ trang phục từ da lông thú) (C-14100); sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm (C-1512); sản xuất giày, dép (C-1520); chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế), sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện (C-16); cắt tạo đá và hoàn thiện đá (C-2396); sản xuất các cấu kiện kim loại, thùng, bể chứa và nồi hơi (C-251); sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; các dịch vụ xử lý, gia công kim loại (C-259); sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học (C-26); sản xuất mô tơ, máy phát,

biên thê điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện (C-271); sản xuất dây và thiết bị dây dẫn (C-273); sản xuất thiết bị điện chiếu sáng (C-274); sản xuất đồ điện dân dụng (C-275); sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (C-31); sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao (C-323); sản xuất đồ chơi, trò chơi (C-324); sản xuất sản phẩm từ nhựa (C-222); sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị (C-33).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án

- Diện tích thực hiện: 435.600 m².

- Nhóm dự án: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

- Công nghệ sản xuất: Không có.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần Công nghiệp Xuân Phú:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020.

2. Công ty cổ phần Công nghiệp Xuân Phú có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện

pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (từ ngày 24/7/2026 đến ngày 24/7/2036).

Điều 4. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch UBND xã Trung Chính tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án Xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Tân Thọ, xã Trung Chính theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND xã Trung Chính;
- Công ty cổ phần Công nghiệp Xuân Phú;
- Lưu: VT, NNMT_(NXH.121.MT).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Cao Văn Cường

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀ THỰC HIỆN YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt, sản xuất phát sinh từ các đơn vị thứ cấp trong các lô CN01-01, CN01-02 và nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà điều hành 02 tầng cụm công nghiệp.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt, sản xuất phát sinh từ các đơn vị thứ cấp trong các lô CN01-03, CN01-04, CN02, CN03 và dịch vụ công nghiệp.

Lưu lượng nước thải phát sinh lớn nhất theo tính toán là 756 m³/ngày.đêm.

2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

Dự án có 01 dòng nước thải xả ra môi trường, cụ thể như sau:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương tiêu phía Đông dự án sau đó chảy vào hệ thống tiêu thoát sông Hoàng ở phía Bắc dự án, cuối cùng chảy ra sông Hoàng.

2.2. Vị trí xả thải:

- Tại xã Trung Chính, tỉnh Thanh Hóa.

- Tọa độ điểm xả (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiếu 3⁰): X = 2184163.788 (m); Y = 569374.560 (m).

- Điểm xả nước thải sau xử lý có biển báo rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020.

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 756 m³/ngày.đêm (24 giờ).

2.4. Phương thức xả thải:

- Nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn cho phép chảy vào mương quan trắc nước thải tự động, sau đó tự chảy qua đường ống HDPE D300 ra nguồn tiếp nhận.

- Hình thức xả thải: Xả mặt.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận: Chất lượng nước thải sau xử lý trước khi thải ra môi trường bảo đảm đáp ứng được yêu cầu bảo vệ môi trường và QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp (Cột B, Bảng 1, 2 với F ≤ 2.000

m³/ngày.đêm); cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /ngày.đêm	756	-	Thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục
2	Nhiệt độ	°C	≤ 40		
3	pH	-	6-9		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤ 80		
5	Nhu cầu ôxy hóa học (COD)	mg/l	≤ 90		
6	Amoni (N-NH ₄ ⁺) tính theo N	mg/l	≤ 10		
7	Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD ₅ ở 20°C)	mg/l	≤ 60	Tần suất 03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục
8	Tổng nitơ (T-N)	mg/l	≤ 40		
9	Tổng photpho (T-P)	mg/l	≤ 6		
10	Tổng Coliform	MPN/100ml	≤ 5.000		
11	Độ màu	Pt/Co	≤ 100		
12	Chì (Pb)	mg/l	≤ 0,5		
13	Đồng (Cu)	mg/l	≤ 3,0		
14	Kẽm (Zn)	mg/l	≤ 5,0		
15	Niken (Ni)	mg/l	≤ 3,0		
16	Mangan (Mn)	mg/l	≤ 10		
17	Sắt (Fe)	mg/l	≤ 10		
18	Thiếc (Sn)	mg/l	≤ 5,0		
19	Dầu mỡ khoáng	mg/l	≤ 5,0		
20	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	≤ 30		
21	Sunfua (S ²⁻)	mg/l	≤ 0,5		
22	Clo dư	mg/l	≤ 2,0		
23	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	≤ 5,0		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Tuyến 01: Nước thải sinh hoạt, sản xuất phát sinh từ các đơn vị thứ cấp trong các lô CN01-01, CN01-02 và nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà điều hành 02 tầng cụm công nghiệp sau xử lý sơ bộ → đường ống HDPE D300 dọc theo tuyến đường D1, D3 với tổng chiều dài L = 734,4 m (trên tuyến có bố trí

sẵn các vị trí chờ đầu nối) chảy về hố ga chung số G38.

- Tuyến 02: Nước thải sinh hoạt, sản xuất phát sinh từ các đơn vị thứ cấp trong các lô CN01-03, CN01-04, CN02, CN03 và dịch vụ công nghiệp sau xử lý sơ bộ → đường ống HDPE D300 dọc theo tuyến đường D1, D2 với tổng chiều dài $L = 1.192,6$ m (trên tuyến có bố trí sẵn các vị trí chờ đầu nối) chảy về hố ga chung số G38.

- Nước từ hố ga chung số G38 chảy theo đường ống HDPE D300 có chiều dài $L = 46$ m về hố thu của hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý nước thải đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Bể tự hoại 03 ngăn

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt tại khu nhà điều hành của cụm công nghiệp → ngăn chứa (vi sinh vật phân hủy chất thải thành bùn) → ngăn lắng 1 (lên men kỵ khí) → ngăn lắng 2 (lắng làm sạch, loại bỏ chất rắn lơ lửng) → hố ga gom nước thải chung của cụm công nghiệp.

- Số lượng bể: 01 bể tại khu nhà điều hành có thể tích 12 m^3 .

- Kết cấu bể: Bể được xây dựng ngầm, kết cấu đáy bể bằng bê tông cốt thép mác 250 dày 25 cm, tường xây bằng gạch tuynel dày 22 cm vữa xi măng mác 100, trát tường vữa xi măng mác 150, nắp bằng bê tông cốt thép mác 250 dày 20 cm.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: Chế phẩm sinh học được bổ sung vào bể tự hoại định kỳ 03 tháng/lần.

- Đối với bùn cặn phát sinh từ bể tự hoại: Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý với tần suất 03 năm/lần.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Công suất thiết kế: $800 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Song chắn rác → Hố thu → Thiết bị lọc rác tinh → Bể điều hòa → Thiết bị tách dầu mỡ → Bể phản ứng → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể trung hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Mương quan trắc → Xả vào nguồn tiếp nhận nước thải.

- Thiết bị: Hệ thống bồn chứa, pha hóa chất, hệ thống các loại máy bơm, máy thổi khí, đồng hồ và các thiết bị, động cơ khác.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: H_2SO_4 , NaOH, PAC, Polymer, $\text{Ca}(\text{OCl})_2$, và dinh dưỡng (hoặc các hóa chất tương đương), đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.6 phần A Phụ lục này.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

- Dự án Xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Tân

Thọ, xã Trung Chính thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục để theo dõi, giám sát chất lượng nước thải sau xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Điều 28 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

- Chủ đầu tư sẽ lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, cụ thể:
 - + Số lượng: 01 trạm.
 - + Vị trí lắp đặt sensor lấy mẫu: Tại mương quan trắc tự động dẫn nước thải sau xử lý ra nguồn tiếp nhận.
 - + Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni.
 - + Thiết bị lấy mẫu tự động.
 - + Camera theo dõi.
 - + Kết nối, truyền dữ liệu: Truyền dữ liệu tự động, liên tục về Sở Nông nghiệp và Môi trường. Hệ thống quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải được gắn camera theo dõi, được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo đúng quy định về khoa học, công nghệ, tiêu chuẩn đo lường và chất lượng.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố: Gồm 01 (một) hồ sự cố có dung tích 1.800 m³ đảm bảo lưu chứa toàn bộ nước thải trong thời gian tối đa 02 ngày khi hệ thống xử lý nước thải tập trung gặp sự cố.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thực hiện dừng việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận và thực hiện các biện pháp xử lý sự cố.
- Vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải tập trung theo đúng quy trình kỹ thuật; nhân viên kỹ thuật thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế.
- Tăng cường công tác quản lý, giám sát các thông số ô nhiễm trong nước thải, đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép mới được xả thải ra môi trường.
- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung và ghi chép vào sổ giám sát hàng ngày.
- Định kỳ thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của các hệ thống xử lý nước thải tập trung, hệ thống thu gom và xả nước thải sau xử lý.
- Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường:
 - + Khi có sự cố chặn nguồn nước thải đầu ra, không để xả thải ra môi trường. Nước thải chảy về bể gom, sau đó bơm về hồ sự cố để lưu giữ. Trong thời gian lưu giữ nước thải tại hồ sự cố, đơn vị vận hành tiến hành kiểm tra, phát

hiện và cải thiện hiệu quả vận hành của hệ thống xử lý nước thải. Sau khi khắc phục, bơm nước thải từ hồ sự cố về bể thu gom để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra nguồn nước tiếp nhận. Trường hợp xảy ra sự cố nghiêm trọng phải báo cáo với chính quyền địa phương, cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường để được hướng dẫn thực hiện khắc phục sự cố.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải tập trung gặp sự cố:

+ Sự cố hư hỏng các thiết bị: Khi có sự cố, đầu tiên tắt aptomat cấp nguồn điện cho động cơ, sau đó tiến hành kiểm tra động cơ. Nước thải được lưu chứa tại bể thu gom, bể điều hòa; nếu nước thải vượt quá khả năng lưu chứa thì bơm về hồ sự cố để lưu giữ (thời gian tối đa là 02 ngày). Đơn vị vận hành tiến hành kiểm tra các bộ phận của máy móc thiết bị và tiến hành thay thế kịp thời bằng thiết bị dự phòng hiện có của cụm công nghiệp. Sau khi khắc phục, bơm nước thải về bể thu gom để tiếp tục xử lý.

+ Sự cố do quá trình xử lý hóa lý: Bơm nước thải về hồ sự cố để lưu trữ trong trường hợp xử lý mất nhiều thời gian. Đơn vị vận hành tiến hành kiểm tra nồng độ pH, điều chỉnh hóa chất thích hợp, điều chỉnh tốc độ khuấy trộn và tăng cường quá trình keo tụ. Sau khi khắc phục, bơm nước thải về bể thu gom để tiếp tục xử lý.

+ Sự cố do quá trình xử lý sinh học: Khi có sự cố tạm dừng hoặc giảm 70% - 80% lượng nước thải nạp vào hệ thống để vi sinh có thời gian hồi phục. Nước thải từ bể thu gom được bơm về hồ sự cố để lưu trữ trong trường hợp xử lý mất nhiều thời gian. Đơn vị vận hành bổ sung men vi sinh vào các bể thiếu khí, hiếu khí, tìm hiểu nguyên nhân và khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục, nước thải được bơm từ hồ sự cố về bể thu gom để tiếp tục xử lý, vận hành hệ thống với công suất tăng dần và liên tục theo dõi đảm bảo vi sinh vật phát triển ổn định.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố mà thời gian sửa chữa kéo dài quá 02 ngày và bể sự cố không còn sức chứa, chủ dự án có trách nhiệm hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý nước thải của dự án theo đúng quy định, đảm bảo không để nước thải chưa xử lý xả ra môi trường.

- Trường hợp tắc, vỡ đường ống thu gom nước thải từ các nhà đầu tư thứ cấp, thực hiện bơm chuyển tải về hố thu kế tiếp đảm bảo nước thải được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Vận hành đúng quy trình kỹ thuật hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục để giám sát nước thải sau xử lý; bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, ứng phó sự cố.

1.5. Tiêu chuẩn tiếp nhận đầu nối nước thải

Nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp từ các đơn vị thứ cấp phải được xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải cụm công nghiệp dẫn về hệ thống xử lý nước

thải tập trung cụm công nghiệp. Các thông số cụ thể đối với từng nhà đầu tư thứ cấp được xác định trong hợp đồng giữa nhà đầu tư thứ cấp và chủ đầu tư hạ tầng đảm bảo phù hợp với loại hình sản xuất, kinh doanh, công nghệ của dự án thứ cấp.

Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp được quy định cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn tiếp nhận
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	≤ 40
2	pH	-	5 - 9
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤ 750
4	Nhu cầu ôxy hóa học (COD)	mg/l	≤ 650
5	Amoni (N-NH_4^+) tính theo N	mg/l	≤ 30
6	Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD_5 ở 20°C)	mg/l	≤ 500
7	Tổng nitơ (T-N)	mg/l	≤ 80
8	Tổng photpho (T-P)	mg/l	≤ 20
9	Tổng Coliform	MPN/100ml	$\leq 10^6$
10	Độ màu	Pt/Co	≤ 250
11	Chì (Pb)	mg/l	$\leq 0,5$
12	Đồng (Cu)	mg/l	$\leq 5,0$
13	Kẽm (Zn)	mg/l	$\leq 8,0$
14	Niken (Ni)	mg/l	$\leq 4,0$
15	Mangan (Mn)	mg/l	≤ 15
16	Sắt (Fe)	mg/l	≤ 20
17	Thiếc (Sn)	mg/l	≤ 8
18	Dầu mỡ khoáng	mg/l	≤ 10
19	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	≤ 50
20	Sunfua	mg/l	$\leq 1,0$
21	Clo dư	mg/l	$\leq 3,0$
22	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	≤ 20

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng sau khi có nước thải phát sinh xả ra môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $800 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí, gồm:

- Vị trí số 01: Tại bể gom nước thải đầu vào.
- Vị trí số 02: Tại mương quan trắc nước thải đầu ra.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.6 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường), được sửa đổi tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/2/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và khoản 1 Điều 14 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư theo đúng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2 phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; có quy trình kiểm soát chặt chẽ chất lượng nước thải đầu ra của nhà đầu tư thứ cấp trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, trạm xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp.

3.3. Lắp đặt đầy đủ biển báo, ký hiệu chỉ dẫn đối với điểm xả thải nước thải ra môi trường.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm và vận hành trạm xử lý nước thải tập trung. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty cổ phần Công nghiệp Xuân Phú có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3, khoản 4 Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi tại điểm e khoản 3 Điều 36 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng nước thải đầu vào, đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; lượng và loại hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành được lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.6. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của cụm công nghiệp theo quy định hiện hành của pháp luật.

3.7. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm định, hiệu chuẩn định kỳ theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn đo lường, chất lượng; dữ liệu quan trắc tự động phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 và Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày

30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

3.8. Công ty cổ phần Công nghiệp Xuân Phú chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép môi trường này./.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI
TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải: Nguồn số 01: Khí thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

Dự án có 01 dòng khí thải sau hệ thống xử lý khí thoát ra môi trường; cụ thể như sau:

2.1. Vị trí xả khí thải: Nằm trong khuôn viên Cụm công nghiệp Tân Thọ, xã Trung Chính, tỉnh Thanh Hóa. Toạ độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiều 3^0): X = 2184203.020 (m); Y = 569306.630 (m).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 3.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả thải: Xả liên tục trong 24 giờ/ngày.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (Giá trị giới hạn cho phép theo cột C tại Bảng 1 - Giá trị giới hạn cho phép của thông số ô nhiễm ở “thể khí”, áp dụng với các thiết bị xả thải khác); cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Amoniac (NH ₃)	mg/Nm ³	≤ 25	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Sunfua (H ₂ S)	mg/Nm ³	≤ 8		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải: Nguồn khí thải (mùi) phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp được thu gom vào các đường ống lắp đặt qua nắp của bể xử lý và được quạt hút thổi qua buồng hấp phụ than hoạt tính để xử lý, khí thải sau xử lý thoát qua ống thoát khí ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải (mùi) từ hệ thống xử lý nước thải tập trung → Ống thu khí thải bằng thép → Quạt hút thổi → Buồng hấp phụ than hoạt tính → Ống thoát khí D200, cao 5 m → Môi trường.

- Công suất: 3.000 m³/giờ (theo công suất quạt hút).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2 phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Quan trắc khí thải định kỳ: Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ khí thải.

1.5. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống xử lý khí thải (mùi), nếu có dấu hiệu hỏng hóc thì tiến hành sửa chữa, thay thế đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.

- Định kỳ duy tu, bảo dưỡng thiết bị của hệ thống thu gom, xử lý khí thải đúng theo yêu cầu kỹ thuật của nhà sản xuất; đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (chỉ sử dụng gián đoạn trong trường hợp mất điện) không có hệ thống xử lý khí thải, tuy nhiên nhiên liệu sử dụng phải là nhiên liệu sạch, đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; khí thải phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý khí thải.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.5. Công ty cổ phần Công nghiệp Xuân Phú chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực đặt máy thổi khí, máy bơm của hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực đặt máy phát điện dự phòng của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

Khu vực bị ảnh hưởng	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép (dBA)			Ghi chú
	Từ 06 giờ - trước 18 giờ (dBA)	Từ 18 giờ - trước 22 giờ (dBA)	Đêm 22 giờ - trước 06 giờ (dBA)	
Khu vực E	70	65	60	Các cơ sở sản xuất, có sử dụng thiết bị, máy móc, công cụ, dụng cụ phát ra tiếng ồn

2.2. Độ rung

Khu vực bị ảnh hưởng	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép (dB)		Ghi chú
	Từ 06 giờ - trước 22 giờ (dB)	Đêm 22 giờ - trước 06 giờ (dB)	
Khu vực D	75	70	Các cơ sở sản xuất, có sử dụng thiết bị, máy móc, công cụ, dụng cụ tạo rung

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Đối với thiết bị có công suất lớn, lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động; định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn; bố trí khoảng cách các thiết bị gây ồn hợp lý.

1.2. Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án theo đúng quy hoạch nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của dự án.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên từ Ban Quản lý cụm công nghiệp

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh dự kiến (kg/năm)
1	Cartridge mực, mực in thải (hộp mực in thải có chứa các thành phần nguy hại)	08 02 04	10
2	Than hoạt tính thải bỏ	12 10 04	15
3	Hóa chất thải	13 01 02	20
4	Các linh kiện, thiết bị điện tử thải	16 01 13	10
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải khác	17 02 04	30
6	Bao bì mềm thải	18 01 01	50
7	Bao bì kim loại cứng thải	18 01 02	60
8	Bao bì nhựa cứng	18 01 03	50
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	25
10	Pin, ắc quy chì thải	19 06 03	5
Tổng khối lượng			275

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ Ban Quản lý cụm công nghiệp

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh dự kiến (kg/năm)
1	Bùn thải từ bể tự hoại	1.200
2	Chất thải vệ sinh công cộng	112.140
3	Bùn thải từ nạo vét hệ thống thoát nước mưa	36.300
Tổng khối lượng		149.640

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh từ Ban Quản lý cụm công nghiệp

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh dự kiến (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung	12 06 05	179.361
Tổng khối lượng			179.361

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ Ban Quản lý cụm công nghiệp

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	3,5
Tổng		3,5

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Đối với chủ đầu tư

a) Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa cứng dung tích 50 lít, thùng phuy dung tích 120 lít; có nắp đậy kín và dán nhãn mã số CTNH; thùng ghi nhãn mác của từng loại CTNH được lưu giữ.

b) Khu vực lưu chứa trong nhà

- 01 ngăn chứa rác nguy hại có diện tích 9 m² trong kho chứa rác thải.

- Thiết kế, cấu tạo: Kết cấu kho chứa là dạng kho kín, tường xây gạch, trát và sơn chống thấm, mái lợp tôn, có gờ cao để ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có biển cảnh báo và trang bị các trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường). Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

2.1.2. Đối với các đơn vị thứ cấp: Tùy theo từng ngành nghề và tình hình phát sinh các loại CTNH và khối lượng khác nhau, các đơn vị thứ cấp bố trí, xây dựng thiết bị lưu chứa và kho chứa CTNH theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải thông thường

2.2.1. Đối với chủ đầu tư

- Thiết bị lưu chứa: Các thùng đựng rác có dung tích 20 - 120 lít đặt tại nhà điều hành cụm công nghiệp; xe thu gom có dung tích 800 lít/thùng để thu gom và lưu giữ tại kho lưu giữ.

- 01 ngăn chứa rác thông thường có diện tích 9 m² trong kho chứa rác thải.
- Thiết kế, cấu tạo: Kết cấu kho chứa là dạng kho kín, tường xây gạch, trát và sơn chống thấm, mái lợp tôn, có gờ cao để ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có biển cảnh báo và trang bị các trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

2.2.2. Đối với các đơn vị thứ cấp

- Tùy theo từng ngành nghề phát sinh các loại chất thải rắn và khối lượng khác nhau; các đơn vị thứ cấp bố trí, xây dựng thiết bị, kho chứa chất thải theo đúng quy định.
- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn thông thường phù hợp với khối lượng, phân loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.
- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải thông thường phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

2.3. Kiểm soát chất thải

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng lấy mẫu phân tích bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung 01 năm/lần để phân định các thành phần nguy hại theo QCVN 07:2025/BNMT - Quy chuẩn này quy định ngưỡng chất thải nguy hại.
- Trường hợp bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung có thành phần nguy hại: Bùn thải phải được quản lý và xử lý theo quy định quản lý CTNH (được thu gom lưu chứa trong khu vực lưu chứa CTNH và được đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý định kỳ).
- Trường hợp bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung không có các thành phần nguy hại, thực hiện quản lý theo chất thải rắn thông thường. Bùn được thu gom lưu chứa tại bể chứa bùn và được đơn vị có chức năng xử lý chất thải rắn thông thường vận chuyển xử lý định kỳ.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026, các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025; Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo Tiêu chuẩn Việt Nam 6707:2009 - Chất thải nguy hại - Dấu hiệu cảnh báo.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020.

4. Có trách nhiệm ban hành và thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.

PHỤ LỤC 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Các yêu cầu bảo vệ môi trường chủ dự án phải tiếp tục thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường

Yêu cầu chủ đầu tư hạ tầng thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình thi công xây dựng như sau:

1.1. Về thu gom và xử lý nước thải

1.1.1. Đối với nước thải sinh hoạt của công nhân

- Nước thải tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân được thu gom và dẫn về hố lắng có thể tích 14 m³ (hố lắng lót bạt PVC thành và đáy chống thấm) cùng nước thải vệ sinh lớp xe và thiết bị, để loại bỏ chất rắn lơ lửng, nước thải sau lắng sẽ được tận dụng chống bụi khu vực công trường.

- Nước thải nhà ăn được thu gom dẫn về bể tách mỡ (dung tích 100 lít) để tách mỡ và lắng cặn, sau đó dẫn về hố lắng cùng nước thải vệ sinh tay chân có thể tích 14 m³ (hố lắng lót bạt PVC thành và đáy chống thấm) để loại bỏ chất rắn lơ lửng. Phần váng dầu mỡ được đưa đi xử lý cùng với chất thải sinh hoạt. Nước thải sau lắng sẽ được tận dụng chống bụi khu vực công trường.

- Nước thải vệ sinh có lưu lượng là 1,6 m³/ngày.đêm được thu gom bằng 05 nhà vệ sinh di động, kích thước nhà vệ sinh (cao 250 cm, rộng 130 cm, sâu 100 cm, bể chứa nước thải 1.000 lít). Hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ hút bùn cặn (tần suất 03 ngày/lần) đem đi xử lý.

1.1.2. Đối với nước thải xây dựng, nước rửa xe

- Đối với nước thải vệ sinh thiết bị, rửa xe có lưu lượng là 22 m³/ngày.đêm, được thu gom về 02 hố lắng có thể tích 14 m³ (kích thước 3,5m x 2,5 m x 1,6 m) được xây dựng bằng cách đào hố sau đó dùng bạt PVC lót đáy và thành để chống thấm, hố lắng được chia làm 02 ngăn bởi vách ngăn lửng, trong mỗi hố lắng được bố trí 01 phao quay thu váng dầu. Nước thải được dẫn vào hố

lắng để lắng chất rắn lơ lửng, thu vớt dầu, sau đó tái sử dụng để vệ sinh thiết bị, máy móc thi công hoặc sử dụng nước cho quá trình phun nước chống bụi. Váng dầu thu gom được sẽ lưu giữ và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý cùng chất thải nguy hại.

1.1.3. Đối với nước mưa chảy tràn

- Quét dọn vệ sinh sau mỗi ngày làm việc hạn chế các chất ô nhiễm bị cuốn theo nước mưa làm ô nhiễm nguồn nước.

- Tạo bờ bao quanh khu vực tập kết nguyên vật liệu nhằm hạn chế nước mưa chảy tràn cuốn theo đất, cát, vật liệu xây dựng ...

- Tạo các rãnh thoát nước tạm thời tại các vị trí trũng thấp để thoát nước, tránh tình trạng ngập úng. Cuối rãnh thoát nước bố trí hố lắng để lắng và loại bỏ đất, cát, rác thải vương vãi...

1.2. Về thu gom, xử lý bụi và khí thải

- Phun nước tạo độ ẩm, giảm nồng độ bụi phát tán trong khu vực thi công, đoạn đường nối với 02 cổng ra vào dự án và các đoạn đường vận chuyển nguyên vật liệu thi công dự án đi qua khu vực đông dân cư. Tổng chiều dài các đoạn đường cần tưới ẩm giảm bụi là 2.250 m; sử dụng xe ô tô tưới nước có dung tích 5,0 m³ làm ẩm trên tuyến đường, tần suất phun nước là 04 lần/ngày.

- Bố trí 02 khu vực rửa xe chuyên dụng bằng vòi nước áp lực cao tại khu vực 02 cổng ra vào công trường. Khu vực rửa xe có diện tích khoảng 100 m² (rộng 6,5 m, dài 15,5 m), xử lý nền bằng bê tông và gia cố móng bằng cấp phối đá dăm đầm chặt, đảm bảo chịu tải trọng xe ra vào. Xung quanh khu vực rửa xe bố trí rãnh thu nước thải kích thước 45,0 m x 0,1 m x 0,15 m để dẫn vào 02 hố lắng có dung tích 14 m³ (kích thước 3,5 m x 2,5 m x 1,6 m) lót đáy và thành bằng bạt PVC để chống thấm, trong hố lắng được bố trí phao quay thu vớt dầu. Nước thải được dẫn vào hố lắng để lắng chất rắn lơ lửng, thu vớt dầu sau đó tái sử dụng để vệ sinh thiết bị, máy móc thi công hoặc tận dụng bơm chống bụi khu vực công trường thi công dự án. Váng dầu thu gom, lưu giữ và xử lý cùng chất thải nguy hại của dự án. Phân công 01 công nhân thường trực vận hành, trong trường hợp lưu lượng xe lớn, bố trí tăng cường thêm 01 công nhân để hỗ trợ.

- Lắp đặt hệ thống tường chắn bằng tôn với chiều cao 3 m, dài 3.560 m xung quanh ranh giới khu đất dự án nhằm giảm lượng bụi phát sinh từ thi công đến các đối tượng xung quanh và dân cư.

- Thực hiện san gạt, lu, lèn theo đúng quy trình, kỹ thuật thi công để tăng độ gắn kết của các hạt trong đất, nhờ đó hạn chế được lượng bụi phát tán.

- Các phương tiện xe, máy thi công kiểm chuẩn và đăng kiểm phù hợp về các thông số vận hành và môi trường nhằm đảm bảo máy móc, thiết bị có hiệu suất làm việc cao và vận hành hiệu quả.

- Các xe vận tải chuyên chở nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây dựng phải có bạt che kín thùng xe.

- Trong quá trình thi công tránh thi công đồng loạt máy móc, hạn chế thi công vào những giờ sinh hoạt của người dân, thông báo thời gian thi công cụ thể để người dân biết.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: Quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính ... theo quy định, công nhân phải được bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý.

1.3. Về thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

1.3.1. Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Trang bị 03 thùng dung tích 50 lít/thùng đặt tại khu lán trại để phân loại và lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt; sau đó hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển đi xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

1.3.2. Đối với chất thải rắn xây dựng

- Đối với khối lượng thực vật cần dọn dẹp khoảng 5 tấn, chủ dự án thuê đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý. Quá trình vận chuyển thực vật sử dụng xe tải có thùng kín đảm bảo không để rỉ nước, chất thải ra môi trường.

- Đối với vật liệu thi công rơi vãi đá, gạch, bê tông từ quá trình thi công được thu gom và sử dụng làm vật liệu đắp nền ngay tại dự án.

- Đối với chất thải là vỏ bao xi măng, sau mỗi buổi làm việc được thu gom tập trung về kho tạm sau đó bán phế liệu.

- Đối với chất thải là vụn sắt thép, thùng nhựa và ống nhựa, ván gỗ, giấy, nilon sạch, ... từ quá trình thi công và quá trình lắp đặt thiết bị sau mỗi buổi làm việc được thu gom tập trung về kho tạm sau đó bán phế liệu.

- Đối với đất bóc lớp đất mặt diện tích đất chuyên trồng lúa khoảng 81.019 m³, được tận dụng đắp nền các vị trí trồng cây xanh tại dự án theo quy hoạch đã được phê duyệt và không vận chuyển đổ thải ngoài phạm vi dự án.

1.4. Về thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- Các loại chất thải nguy hại được thu gom và lưu trữ trong thùng chứa chất thải có nắp đậy kín, được đặt tại khu vực lưu chứa trong kho tạm có tường kín, mái che, nền cao tránh nước mưa, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi, phát tán ra môi trường. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

1.5. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung và các tác động khác

1.5.1. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, rung

- Lắp đặt các thiết bị giảm tiếng ồn, độ rung cho các máy móc có tiếng ồn, độ rung cao như: máy hàn, cắt, ...; không sử dụng các máy móc thi công đã cũ, hệ thống giảm âm bị hỏng vì chúng sẽ gây ra ô nhiễm tiếng ồn rất lớn. Thường xuyên bảo dưỡng bộ phận giảm âm ở các thiết bị máy móc thi công.

- Quy định tốc độ của xe và máy móc khi hoạt động trong khu vực thực hiện dự án.

- Các phương tiện vận chuyển hạn chế dừng còi trong khu đông người.

- Các xe vận chuyển nguyên liệu cho dự án không vận chuyển quá tải tránh ảnh hưởng đến tuyến đường; che chắn xung quanh khu vực công trường.
- Phối hợp với địa phương về việc khai báo tạm trú, tạm vắng của cán bộ, công nhân viên tham gia thi công dự án.

1.5.2. Biện pháp giảm thiểu tác động do chiếm dụng đất, giải phóng mặt bằng

- Chủ dự án phối hợp với UBND xã Trung Chính tổ chức thực hiện thu hồi đất, đền bù, hỗ trợ người dân trong quá trình giải phóng mặt bằng của dự án theo quy định của pháp luật; không để ảnh hưởng đến việc canh tác của người dân xung quanh dự án hoặc phát sinh các tác động tiêu cực do thu hồi đất giải phóng mặt bằng thực hiện dự án.
- Phối hợp với chính quyền địa phương tuyên truyền, vận động người dân tránh xa các tệ nạn xã hội. Định hướng việc làm cho người dân mất đất sản xuất để người dân ổn định đời sống và thu nhập; ưu tiên đào tạo nghề cho các gia đình mất đất sản xuất bởi dự án, tạo điều kiện cho các gia đình tìm việc làm phù hợp với khả năng.
- Phối hợp với các đơn vị thứ cấp trong cụm công nghiệp để giới thiệu lao động của các gia đình bị ảnh hưởng bởi dự án làm các công việc phù hợp với nhu cầu của hai bên.
- Trước khi thi công, chủ dự án và các đơn vị thi công sẽ cắm mốc, xác định ranh giới thi công dự án. Trong quá trình thi công dự án thực hiện các hoạt động thi công đào đắp, chỉ đào đắp đến ranh giới dự án, không để tràn đổ đất, vật liệu xây dựng và chất thải ra ngoài ranh giới dự án.
- Đối với phần diện tích đất nằm giữa ranh giới dự án và đường Sao Vàng - Nghi Sơn hiện trạng, chủ dự án phối hợp với UBND xã Trung Chính, Hội đồng giải phóng mặt bằng tại địa phương xem xét thu hồi các diện tích đất còn lại của các thửa đất nằm trong diện tích đất thực hiện dự án. Các thửa đất còn lại trong phần diện tích này nếu người dân có yêu cầu được thu hồi, chủ dự án phối hợp với UBND xã Trung Chính thực hiện các thủ tục thu hồi đất, đền bù, hỗ trợ cho người dân theo đúng các quy định của pháp luật.
- Thực hiện các thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp phục vụ thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật.

2. Các yêu cầu bảo vệ môi trường khác

2.1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026; các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025; Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng

Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.2. Thực hiện công tác bảo vệ môi trường đầu tư xây dựng và quản lý, vận hành công trình hạ tầng và công trình bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, trách nhiệm về đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (được bổ sung bởi Điều 19 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ).

2.3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Kiểm soát các thông số ô nhiễm trong nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

2.5. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, được sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh tại khoản 16 Điều 1 và điểm a khoản 36 Điều 1 Luật Sửa đổi 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025.

2.6. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của cụm công nghiệp theo quy định hiện hành của pháp luật.

2.7. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020.

2.8. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

2.9. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định.

2.10. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.